

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 24-01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Đông và bà Phạm Thị Tú Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Thao - Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 221/2024/TLST-HS ngày 11/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284A/2024/QĐXXST-HS ngày 25/11/2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 217A/2024/HSST-QĐ ngày 10/12/2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 10/01/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Nữ Minh K**, sinh ngày 27/11/1988 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Minh C và bà: Nguyễn Thị Q; Chồng: Bùi Văn N, sinh năm 1987, có 03 người con, lớn nhất sinh 2006, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2024 cho đến nay.

2. Họ và tên: **Võ Thị Mỹ N1**, sinh ngày 05/12/1993 tại tỉnh Bình Định; Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Tổ D, khu phố A, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: C H, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Kinh doanh Spa; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Võ Văn P và bà: Lê Thị L; Chồng: Chế Thanh T, sinh năm 1992, có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú;

3. Họ và tên: **Hồ Tiến Đ**, sinh ngày 18/3/1994 tại TP.; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: G P, khu phố D, phường Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: E H, phường T (trước đây là phường L), thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hồ Minh Đ1 và bà: Trần Thị Lê H; Vợ: (Đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2010, bị Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn xử phạt 15 tháng tù về

tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong ngày 30/4/2011; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú;

4. Họ và tên: **Phạm Anh T1**, sinh ngày 01/8/2005 tại thành phố Quy Nhơn; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ D, khu phố A, phường G, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn L1 và bà: Phạm Thị L2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/10/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2024.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Võ Thị Mỹ N1, sinh năm 1993 là bị hại của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Có mặt).

Nơi thường trú: Tổ 4, khu phố 1, phường Ngô Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Chỗ ở: 343 Hoàng Văn Thụ, phường Ngô Mỹ, TP. Quy Nhơn tỉnh Bình Định.

2. Chị Nguyễn Nữ Minh K, sinh năm 1988 là bị hại của tội “Giữ người trái pháp luật” (Có mặt).

Nơi thường trú: Thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

Chỗ ở: Khu vực Nghiễm Hoà, phường Nhơn Hoà, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng: Anh Ngô Đình Q1, anh Võ Đức H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/11/2023, Nguyễn Nữ Minh K xin vào làm việc cho Võ Thị Mỹ N1 tại địa chỉ C H, phường N, thành phố Quy Nhơn, K ăn, ở và sinh hoạt tại nhà của N1. Tại thời điểm đó, N1 đang kinh doanh một cơ sở Spa tại thành phố Pleiku, Gia Lai và muốn liên kết với các cơ sở khác nên N1 hỏi K: “Chị có quen biết ai làm Spa trên Gia Lai không? Hay có khách thì giới thiệu cho em, nếu làm ăn được thì em cho thêm tiền coi như tiền hoa hồng”. Mặc dù K không quen biết ai nhưng nói dối với N1 là có người quen vài người bạn và sẽ giới thiệu cho N1. Sau đó, K sử dụng số điện thoại 0899886841 lập tài khoản Zalo lấy tên “H”; số điện thoại 0896941250 lập tài khoản Z lấy tên “T2” (xưng là em ruột M) rồi chủ động liên hệ với N1 về việc kinh doanh Spa. Đến tháng 01/2024, K dùng tài khoản zalo “Hà My” thay hình đại diện “bông sen trắng” rồi nói dối với N1 là con trai của “H” bị trêu giỡm chết, không có tiền mai táng. N tin tưởng và thấy thương cho hoàn cảnh của “Hà My” nên từ ngày 11/01/2024 đến ngày 16/01/2024, N1 sử dụng tài khoản 213936778 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (do Võ Đức H1 – là anh ruột của N1 đứng tên chủ tài khoản) chuyển khoản 03 lần với tổng số tiền 6.000.000

đồng (lần 1: 3.000.000 đồng, lần 2: 1.000.000 đồng; lần 3: 2.000.000 đồng) vào số tài khoản 109875748528 đứng tên Nguyễn Nữ Minh K mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1 để K chuyển hỗ trợ mai táng. Vài ngày sau, K tiếp tục nói dối N là “H” tự tử chết, gia đình không có tiền làm đám tang, nên N1 tin tưởng tiếp tục chuyển cho K số tiền 2.200.000 đồng đến số tài khoản 985819888888 mang tên Ngô Đình Q1 mở tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B. K đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 8.200.000 đồng và dùng để chi tiêu công việc cá nhân.

Ngày 31/01/2024, K nói dối với N1 là “Thắm” cần bán cơ sở Spa ở Gia Lai để trả nợ cho “H”, nói rằng Spa của M đang rất đông khách nên N tin là thật và đồng ý mua. K dùng tài khoản zalo “T2”, nhấn số tài khoản 985819888888 của Ngô Đình Q1 mở tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B (K nói dối Q1 là chồng T2) để N chuyển tiền đặt cọc, hẹn N hôm sau sẽ cùng chồng đến Q làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất. Sau khi N1 chuyển tiền đặt cọc 115.000.000 đồng thì ngày 01/02/2024, K tiếp tục dùng tài khoản zalo “T2” nhắn tin với N1 nói rằng đang bận việc chưa xuống được và tiếp tục mượn N số tiền 5.000.000 đồng nên N1 tin tưởng tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản của Q1. Sau khi chiếm đoạt tiền từ N, K đã trả nợ và đầu tư tài chính, còn lại 10.200.000 đồng.

Nghi ngờ đã bị “Thắm” lừa chiếm đoạt tài sản vì “Thắm” nhiều lần hứa hẹn nhưng không đến Quy N2 làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất nên vào chiều ngày 06/02/2024, N1 nhờ Hồ Tiến Đ đến tra hỏi K để làm rõ sự việc. Khoảng 15 giờ, Đ đến nhà N1 rồi gọi K lên phòng ngủ của N1 nói chuyện. Vì K không chịu thừa nhận mình lừa đảo chiếm đoạt tiền của N1 nên Đ đã dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người K. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ gọi Phạm Anh T1 đến nhà N1 để canh chừng K không cho bỏ trốn. Khi T1 đến nhà N1 thì được N1 kể lại sự việc bị K lừa đảo và nói T1: “*em kéo nó ra xử nó cho chị*” nên T1 đã dùng tay, chân đánh, đá, đập vào lưng, bụng K nhiều cái. K bị Đ, T1, N1 giữ trong phòng ngủ của N1 không cho ra ngoài. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, vì có việc bận nên Đ nói T1 trông chừng K rồi đi công việc. Đến khoảng 19 giờ, Đ quay lại thì tiếp tục cùng N1, T1 tra hỏi K về số tiền K đã chiếm đoạt của N1 dùng để làm gì, còn hay hết, K nói còn 10.200.000 đồng rồi chủ động chuyển trả lại cho N1 để trả nợ số tiền đã chiếm đoạt và xin ở lại làm việc trừ nợ nhưng N1 không đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 ngày 02/6/2024, Đ, N1, T1 chở K đến Công an phường N sự việc.

Hậu quả: K bị 01 vết bầm trên mặt sau bắp tay trái; 01 vết bầm ở cẳng tay trái; 01 mảng bầm phía sau lưng kéo dài từ sườn trái ra phía sau lưng; 01 vết bầm mặt sau bắp tay phải; 01 vết bầm mặt ngoài đùi trái, 02 vết bầm trên 02 mu bàn tay, 01 vết bầm ở cẳng chân trái nhưng không điều trị tại cơ sở y tế.

Ngày 08/4/2024, Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận giám định thương tích của Nguyễn Nữ Minh K có tỷ lệ 0%.

Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 10 đoạn video do Võ Thị Mỹ N1 dùng điện thoại ghi lại hình ảnh khi tra hỏi K.

Về dân sự:

- Võ Thị Mỹ N1 yêu cầu Nguyễn Nữ Minh K bồi thường số tiền 128.200.000 đồng bị K chiếm đoạt và số tiền 18.000.000 đồng mà K đã mượn trong thời gian ở giúp việc nhà cho N1. K đã bồi thường cho N1 số tiền 17.200.000 đồng.

- Quá trình truy tố, Nguyễn Nữ Minh K yêu cầu các bị cáo N1, Đ, T1 bồi thường số tiền là 6.000.000 đồng. Các bị cáo N1, Đ, T1 đã bồi thường xong cho K, K không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 225/CT-VKSQN ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố bị cáo Nguyễn Nữ Minh K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng.

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Nữ Minh K: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

+ Đối với bị cáo Võ Thị Mỹ N1: Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Đối với bị cáo Hồ Tiến Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Đối với bị cáo Phạm Anh T1: Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 09 tháng tù.

- Về bồi thường dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Nữ Minh K có nghĩa vụ bồi thường và hoàn trả cho bị hại Võ Thị Mỹ N1 tổng số tiền 129.000.000 đồng.

+ Bị hại Nguyễn Nữ Minh K đã được các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, bị hại K không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa nên HĐXX có cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Nữ Minh K là người được chị Võ Thị Mỹ N1 thuê giúp việc gia đình tại nhà C H, phường N, thành phố Quy Nhơn, trong thời gian ở nhà N bị cáo K biết N1 cần người làm Spa trên Gia Lai. Mặc dù bị cáo không quen biết ai, tuy nhiên do cần tiền tiêu xài cá nhân bị cáo nói dối là quen biết người tên Hà M và T2 có làm tiệm Spa trên Gia Lai và sẽ giới thiệu cho Nữ. Sau đó, bị cáo K nhiều lần đưa ra thông tin gian dối rằng con của Hà M chết, Hà M tự tử, T2 cần bán Spa trả nợ giúp cho Hà M làm cho Võ Thị Mỹ N1 tin là thật và chuyển khoản cho K 06 lần, cụ thể: lần 01: 3.000.000 đồng, lần 02: 1.000.000 đồng, lần 03: 2.000.000 đồng, lần 04: 2.200.000 đồng, lần 05: 115.000.000 đồng, lần 06: 5.000.000 đồng, với tổng số tiền là 128.200.000 đồng.

Đối với Võ Thị Mỹ N1, sau khi đã chuyển tiền nhiều lần không liên hệ được người tên Hà M, T2 nên N1 khi nghi ngờ K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình, N1 đã gọi Hồ Tiến Đ, sau đó Đ gọi Phạm Anh T1 đến nhà C H, phường N, thành phố Quy Nhơn. Tại đây, N1, Đ, T1 có hành vi giữ K trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 23 giờ 30 phút ngày 06/02/2024 để tra hỏi về số tiền mà K đã chiếm đoạt của N1.

Các bị cáo có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết quyền sở hữu về tài sản, quyền tự do, dân chủ, bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng do xem thường pháp luật, bị cáo Nguyễn Nữ Minh K đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại Võ Thị Mỹ N1 số tiền 128.200.000 đồng. Còn bị cáo Võ Thị Mỹ N1, khi nghi ngờ Nguyễn Nữ Minh K lừa dối mình chiếm đoạt tiền, đã không báo cáo công an mà rủ bị cáo Hồ Minh Đ2, đồng thời Đ2 rủ thêm bị cáo Phạm Anh T1 đến cùng N1 giữ K tại phòng riêng nhà của N1 trong thời gian từ 15 giờ đến 23 giờ 30 phút ngày 06/02/2024 để đánh, tra hỏi về số tiền mà K đã chiếm đoạt của N1. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Nguyễn Nữ Minh K về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* với tình tiết định khung *“Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”* theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 về tội *“Giữ người trái pháp luật”* theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Trong tội “Giữ người trái pháp luật” có nhiều bị cáo tham gia nhưng với vai trò đồng phạm giản đơn và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo N1 là người khởi xướng việc giữ bị hại Nguyễn Nữ Minh K để hỏi về việc chiếm đoạt tiền của N1, nên xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng.

[4] Hành vi do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, quyền nhân thân, quyền tự do, bất khả xâm phạm về thân thể của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

5.1 Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1 có nhân thân tốt; các bị cáo Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 có nhân thân xấu.

5.2 Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Nữ Minh K nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên phạm tội với tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 không có tình tiết tăng nặng.

5.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Võ Thị Mỹ N1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Nữ Minh K đã bồi thường cho Võ Thị Mỹ N1 để khắc phục một phần hậu quả và bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K; các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Nữ Minh K để khắc phục hậu quả và bị hại K cũng xin giảm nhẹ cho các bị cáo N1, Đ, T1, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị các bị cáo K, N1, Đ và T1. Do bị cáo Nguyễn Nữ Minh K lừa dối chiếm đoạt tiền nên các bị cáo N1, Đ và T1 có hành vi giữ K lại để tra hỏi về số tiền đã chiếm đoạt, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi được HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo N1, Đ và T1. Bị cáo Đ đã ra đầu thú sau khi bị truy nã, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp để các bị cáo an tâm cải tạo tốt. Trong thời gian chấp hành hình phạt, khấu trừ thu nhập mỗi bị cáo 5%/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

6.1 Bị cáo Nguyễn Nữ Minh K đã bồi thường cho bị hại Võ Thị Mỹ N1 số tiền 17.200.000 đồng, bị hại N1 yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền còn lại là

111.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị cáo N1 trả nợ số tiền 18.000.000 đồng đã mượn của N1; bị cáo K đồng ý bồi thường và hoàn trả các khoản yêu cầu của bị hại. Do đó, buộc bị cáo K có nghĩa vụ bồi thường và hoàn trả cho bị hại Võ Thị Mỹ N1 tổng số tiền là 129.000.000 đồng.

6.2 Bị hại Nguyễn Nữ Minh K đã được các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, bị hại K không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Nguyễn Nữ Minh K có nghĩa vụ bồi thường và hoàn trả cho bị hại nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Về vấn đề khác:

8.1 Đối với anh Ngô Đình Q1 đứng tên chủ tài khoản 9858198888888 của Ngô Đình Q1 mở tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh B nhưng Q1 không quản lý, sử dụng mà để Nguyễn Nữ Minh K sử dụng tài khoản từ khi mở tài khoản. Bản thân Q1 không giúp sức gì cho K nên Q1 không đồng phạm với K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

8.2 Đối với việc K chuyển số tiền 10.200.000 đồng cho N1 không xuất phát từ việc Đ và T1 đánh đập K mà vì K muốn trả bớt số tiền đã chiếm đoạt cho N1. Việc chuyển khoản tiền của K là tự nguyện nên không có dấu hiệu của tội “*Cướp tài sản*”.

8.3 Đối với hành vi của Hồ Tiến Đ và Phạm Anh T1 dùng tay, chân đánh K, Võ Thị Mỹ N1 có lời lẽ xúi giục T1 đánh K, tuy nhiên tỷ lệ thương tích của K là 0%, K không có yêu cầu gì về thương tích của mình nên hành vi này của Đ, T1, N1 không phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tại phiên toà, về mức hình phạt của bị cáo và các phần đề nghị khác phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Nữ Minh K.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Thị Mỹ N1.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Tiến Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, của Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Phạm Anh T1.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nữ Minh K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Các bị cáo Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 phạm tội: “*Giữ người trái pháp luật*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Nữ Minh K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo Võ Thị Mỹ N1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Võ Thị Mỹ N1 cho UBND phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nhận được quyết định thi hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt, khấu trừ thu nhập của bị cáo 5%/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3 Xử phạt bị cáo Hồ Tiến Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Hồ Tiến Đ cho UBND phường T, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Quy Nhơn, Bình Định nhận được quyết định thi hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt, khấu trừ thu nhập của bị cáo 5%/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.4 Xử phạt bị cáo Phạm Anh T1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2024. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Phạm Anh T1 tại phiên toà nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Nữ Minh K có nghĩa vụ bồi thường và hoàn trả như sau:

- Bồi thường cho bị hại Võ Thị Mỹ N1 số tiền: 111.000.000 đồng

- Hoàn trả số bị hại Võ Thị Mỹ N1 số tiền: 18.000.000 đồng.

4. Án phí:

- Án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Nữ Minh K, Võ Thị Mỹ N1, Hồ Tiến Đ, Phạm Anh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.
- Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Nữ Minh K phải chịu 6.450.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA TP. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA TP. Quy Nhơn;
- UBND phường Ngô Mỹ, UBND phường Trần Phú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Đình Hưng